

Ngày 31/03/2024	12,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	34.7%	47.1%	19.6%

	2023	
ROE	6.1%	+/- YoY ▼ 1.0%

	Q1/24		
DT thuần	676	QoQ ▲ 171 ▲ 33.9%	YoY ▲ 143 ▲ 26.9%
	tỷ VNĐ		

	2023	
DT thuần	2,118	YoY ▲ 214 ▲ 11.2%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN gộp	67.4	QoQ ▲ 41.8 ▲ 163%	YoY ▲ 8.00 ▲ 13.5%
	tỷ VNĐ		

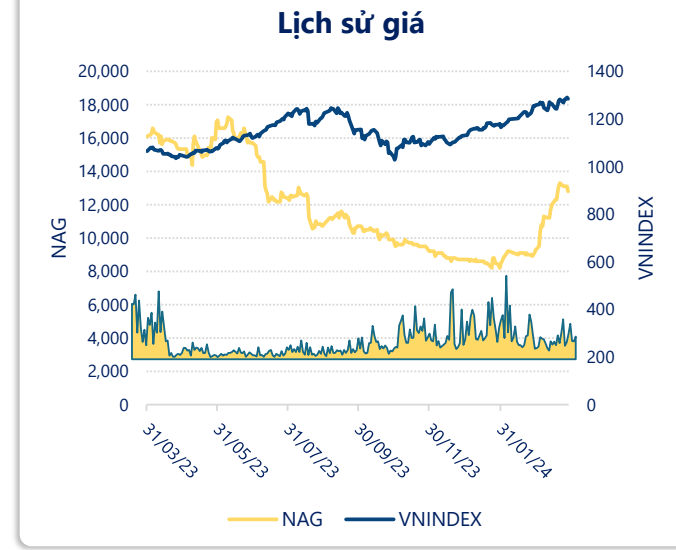
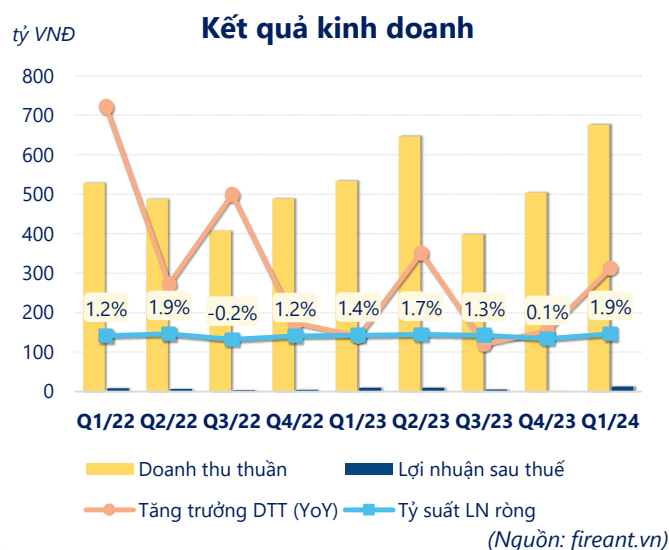
	2023	
LN gộp	308	YoY ▲ 52.0 ▲ 20.5%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN thuần	15.7	QoQ ▲ 22.5 ▲ 332%	YoY ▲ 6.40 ▲ 68.7%
	tỷ VNĐ		

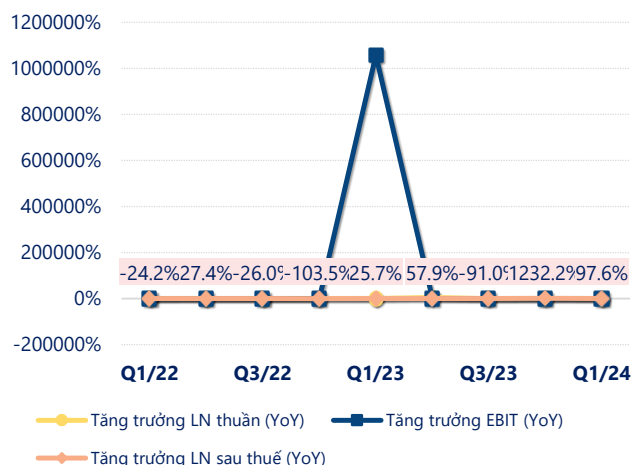
	2023	
LN thuần	16.0	YoY ▼ 10.0 ▼ 38.3%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN sau thuế	12.9	QoQ ▲ 12.3 ▲ 2009%	YoY ▲ 3.15 ▲ 31.9%
	tỷ VNĐ		

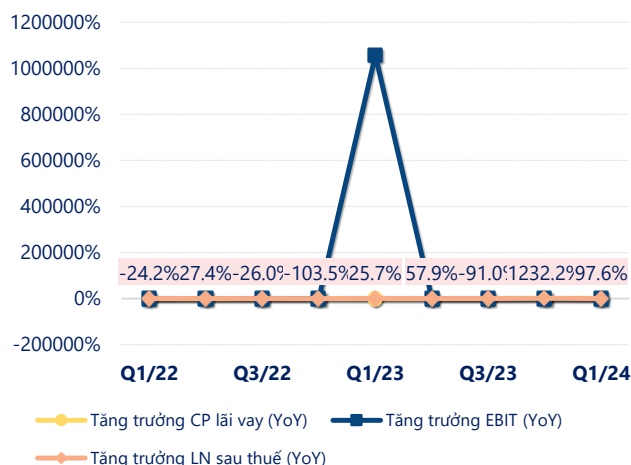
	2023	
LN sau thuế	25.2	YoY ▲ 1.60 ▲ 6.7%
	tỷ VNĐ	



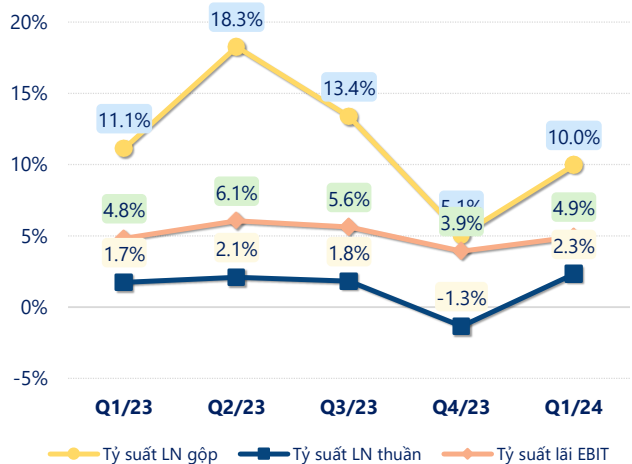
Tăng trưởng lợi nhuận



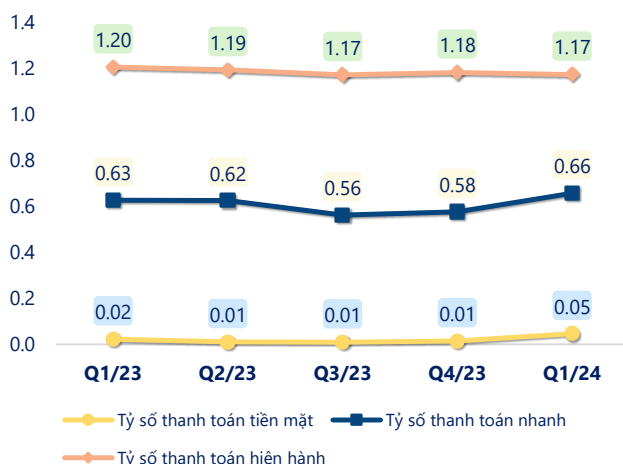
Tăng trưởng chi phí



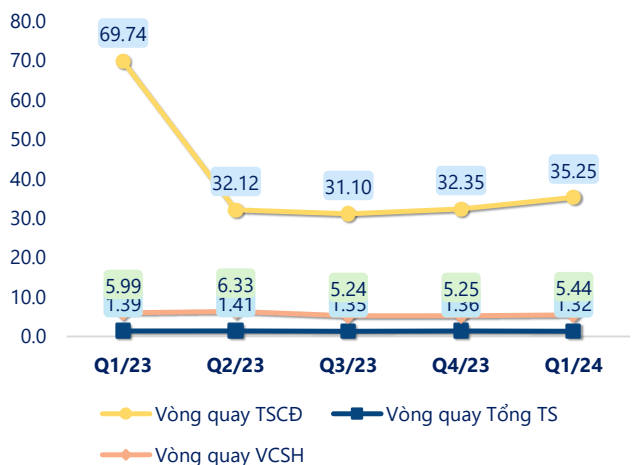
Tỷ suất lợi nhuận



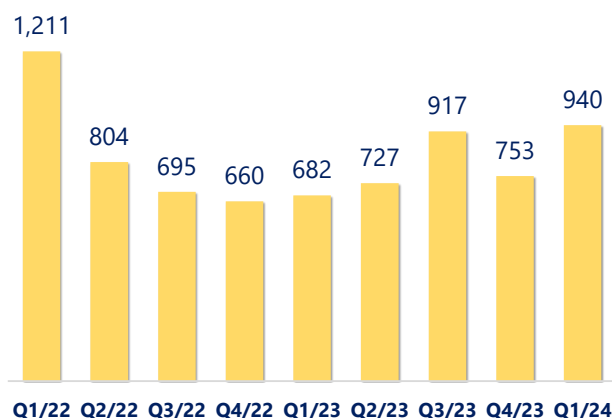
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	676	533	26.9%	2,118	1,904	11.2%
Giá vốn hàng bán	609	474	28.5%	1,810	1,648	9.8%
Lợi nhuận gộp	67.4	59.4	13.5%	308	256	20.5%
Doanh thu HĐTC	3.69	1.00	269%	15.9	11.1	43.7%
Chi phí TC	22.0	17.1	28.7%	81.9	54.4	50.5%
Chi phí lãi vay	17.8	16.6	7.3%	75.4	51.6	46.1%
LN trong công ty LKLD	1.86	1.50	24.1%	0.21	0.53	-60.6%
Chi phí bán hàng	26.6	24.8	7.2%	178	150	18.7%
Chi phí QLDN	8.72	10.7	-18.5%	48.9	37.4	30.7%
LN thuần từ HĐKD	15.7	9.30	68.7%	16.0	26.0	-38.3%
Lợi nhuận khác	-0.07	-0.20	63.7%	16.0	5.39	197%
LN trước thuế	15.6	9.10	71.6%	32.0	31.4	2.1%
Lợi nhuận sau thuế	12.9	9.75	31.9%	25.2	23.6	6.7%
LNST của CĐ cty mẹ	13.2	7.25	81.6%	24.5	22.2	10.4%

(Nguồn: fireant.vn)

